

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo : Kế toán chất lượng cao
Mã số : 734.03.01

TP. HỒ CHÍ MINH – 9/2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ/TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông báo 136/TB-ĐHKTL ngày 28 tháng 6 năm 2021 về kết luận các nội dung thống nhất điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ đại học năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật ngày 25 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ đại học (chương trình đào tạo đính kèm).

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.Đào tạo.



Nguyễn Tiến Dũng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành tại Quyết định số 855/QĐ-ĐHKTL ngày 20 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế - Luật)

Tên chương trình: KẾ TOÁN CHẤT LƯỢNG CAO (KẾ TOÁN CLC)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: KẾ TOÁN

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Mã ngành đào tạo: 7340301

Trưởng nhóm dự án: TS Phạm Quốc Thuần

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Kế toán CLC được thiết kế để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kế toán theo hướng chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tư duy độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức, có khả năng thích nghi phù hợp với sự thay đổi của môi trường làm việc.

Mục tiêu cụ thể

Đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến kế toán đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội và chuyên sâu về kế toán.
2. Có kỹ năng nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp thành thạo, phân tích, lập kế hoạch, tư vấn để thực hành và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán.
3. Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.
4. Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.



2. Chuẩn đầu ra

Đề mục	CĐR chương trình	Cấp bậc nhận thức Bloom
1	Kiến thức (Technical Competence- IFAC)	
1.1	Kiến thức chung về tự nhiên xã hội: Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế quản lý giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội	3
1.2	Kiến thức chung về ngành Kế toán Kiểm toán: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành KTKT để tạo nền tảng cho việc học tập và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán và am hiểu kiểm toán	4
1.3	Kiến thức chuyên ngành kế toán: Áp dụng kiến thức chuyên ngành giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, tư vấn kế toán thuế, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị doanh nghiệp...	4
2	Kỹ năng chuyên môn (Professional Skills-IFAC)	
2.1	Kỹ năng tư duy: có khả năng nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp, xử lý và phân tích thông tin, phản ứng nhanh nhạy trong môi trường thay đổi, phục vụ hiệu quả cho quá trình ra quyết định.	4
2.2	Kỹ năng giao tiếp: có khả năng hợp tác, giao tiếp, tư vấn, thương lượng, giải quyết xung đột hiệu quả trong các môi trường và tình huống khác nhau.	3
2.3	Kỹ năng tổ chức quản lý: có khả năng tổ chức và quản lý công việc, kỹ năng quản lý thời gian, quản lý nhóm và kỹ năng lãnh đạo hiệu quả.	4
2.4	Kỹ năng ứng dụng công nghệ: có khả năng ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kế toán	4
3	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán (Practical Experience IFAC)	
3.1	Có khả năng thực hành công việc kế toán, trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp...	4
3.2	Có khả năng thực hành công việc trợ lý kiểm toán, kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức khác...	4
3.3	Có khả năng đảm trách công việc tư vấn kế toán, tài chính và thuế trong các doanh nghiệp.	4
	Giá trị nghề nghiệp (Professional Values IFAC)	
4.1	Được chấp nhận là thành viên của các tổ chức nghề nghiệp trong nước hoặc quốc tế	3
4.2	Thể hiện khả năng và cam kết học tập suốt đời. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.	4
5	Thái độ chuyên nghiệp (Professional Attitudes IFAC) – Tính hoài nghi nghề nghiệp và xét đoán nghề nghiệp	
5.1	Thể hiện thái độ hoài nghi nghề nghiệp và khách quan khi tổng hợp và đánh giá thông tin.	4
5.2	Áp dụng tư duy phản biện xét đoán nghề nghiệp trong giải quyết vấn đề.	4
6	Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics IFAC)	
6.1	Có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng	4
6.2	Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	4
6.3	Có ý thức và góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội	4
Ghi chú: 1 Nhận biết; 2 Hiểu; 3 Ứng dụng; 4 Phân tích		

3. Ma trận chuẩn đầu ra – môn học:

	FIN1101	4	Nguyên lý thị trường tài chính	3	ECO1001 ECO1002	3	2		2	2	2							3
	MAT1103	5	Thống kê ứng dụng	2	MAT1002	3	3	2										
HỌC KỲ IV : 20TC			Môn học tự chọn	2														
	MIS1105	1	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	2		2		3	3									
	GEN1107	2	Logic học	2			3	2	2									
	ECO1060	3	Kinh tế số	2		2		3	3									
			Môn học bắt buộc: 12 TC	12														
	GEN1011	1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		2										3	2	
	COM1001	2	Kinh tế học quốc tế	2		2		3									3	
	FIN1102	3	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	3	FIN1101	3	2	3									3	
	MIS1005	4	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		3			3	3	2	2						
	ACC1001	5	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	ACC1013	4	4			3	3	2	2			3	3	
			Môn học tự chọn	8														
		1	Mô hình kinh doanh số	3		3	3		3	3								
	MAT1005	2	Kinh tế lượng	3	MAT1103	3	3		3	3	3							
	BUS 1303	3	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2					3	3		3	3					
	GEN1112	4	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2					3		3	3	3	3				
		5	Thanh toán quốc tế	3		3	3		3									
		6	Thị trường chứng khoán	3			3	2			2							
	ACC1010	7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				3	3	3	3							
			Môn học bắt buộc	16														
	ACC1002	1	Thuế - Thực hành và khai báo	3		4			3		4	4	4	4		4	3	
HỌC KỲ V :19 TC	ACC1003	2	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)	4	ACC1013	4					4	4	4	3	4	4	4	
	ACC1105	3	Kế toán quốc tế	3	ACC1013	4		4		4		4	4	4		4		4
	ACC1102	4	Lý thuyết kiểm toán	3				3	3				3	3		4	3	3
	MAT1110	5	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	MAT1103	3		3	3	3								
			Môn học tự chọn chuyên sâu	3														
	ACC1101	1	Kiểm soát nội bộ	3		3	3		3			3	3				3	3
	FIN1203	2	Ngân hàng	3		3		3										
	MIS1023	3	Hệ thống thông tin kế toán	3	MIS1005 MIS1011	4	4			4	3	3	4					
			Môn học bắt buộc: 19 TC	19														

4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tổ chức, đảm nhận công việc có liên quan đến lĩnh vực kế toán tại các đơn vị sau:

- Có khả năng tổ chức, đảm trách công việc kế toán, thuế và tư vấn tài chính trong các doanh nghiệp.
- Có khả năng thực hành công việc trợ lý kiểm toán, kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán nhà nước, các doanh nghiệp và tổ chức khác.
- Có khả năng tổ chức, đảm trách nghiệp kế toán, trong các doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp,...
- Có khả năng thực hiện công việc trợ giảng, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục và đào tạo (trường Đại học, Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp,...).

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng).

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành			
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành	Ngành	Kiến tập + TTCK+ KLTN
Đại học	4 năm	130	36	94	20	64	10 (2+4+4)

7. Đối tượng tuyển sinh

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8.1. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 HK:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: HK 1,2, 3, 4, 6.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: HK2, 3 và 4.
- Khối kiến thức ngành: HK 3, 4, 5, 6 và 7.

- Kiến tập trong thời gian hè năm 3 (cuối HK 6)
- Thực tập cuối khóa (cuối HK7)
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học môn học tự chọn chuyên môn: HK8.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

9. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.



10. Nội dung chương trình

10.1. Khối kiến thức chung toàn trường: 36 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
		Môn bắt buộc: 26 TC				
1	GEN1007	Triết học Mác-Lênin	3	3		
2	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3		
3	GEN1009	Lịch sử ĐCSVN	2	2		
4	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
5	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		
6	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
7	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	2	1	
8	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	
9	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	2	1	
10	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	2	1	
		Môn tự chọn: 10 TC				
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2		
3	GEN1108	Nhân học đại cương	2	2		
4	GEN1105	Văn hóa học	2	2		
5	GEN1106	Xã hội học	2	2		
6	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2		
7	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		
8	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		
9	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		
10	GEN1107	Logic học	2	2		
11	MIS1105	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	2	1	1	
12	ECO1060	Kinh tế số	2	2		
13	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	2		
14	GEN1112	Nghịệp vụ hành chính văn phòng	2	2		
	Nhóm tiểu mục	NN KHÔNG CHUYÊN 1, 2 (không tính TC)	10	8	2	

		GDTC & GDQP				
1	GT 01/GT	GDTC	10		10	
2	GDQP	GDQP (4 tuần)	5		5	

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

10.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành (Kinh tế và Kinh doanh) :20 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
		Môn bắt buộc: 20 TC				
1	MAT1101	Toán cao cấp	3	3	2	
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	1	1	
3	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	2	1	
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1	
5	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
6	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	2	1	
7	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2		
8	BUS 1200	Marketing căn bản	3	2	1	

10.2.2. Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành (Kinh doanh) :12 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
		Môn bắt buộc: 9 TC				
1		Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1	
2	ACC1023	Kế toán tài chính	3	2	1	
3	BUS 1111 FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	3	3		
		Môn tự chọn: 3 TC				
1		Mô hình kinh doanh số	3	2	1	
2	MAT1005	Kinh tế lượng	3	2	1	

10.2.3. Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất): 52 tín chỉ (không tính ngoại ngữ chuyên ngành 30 tín chỉ)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
		Môn bắt buộc: 40 TC				
1	ACC1001	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	2	1	
2	ACC1003	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 1)	4	3	1	
3	ACC1002	Thuế - Thực hành và khai báo	3	2	1	
4	ACC1105	Kế toán quốc tế	3	2	1	
5	ACC1104	Kế toán quản trị	3	2	1	
6	ACC1112	Kế toán quản trị NC	3	2	1	
7	ACC1004	Sổ kế toán và báo cáo tài chính	3	2	1	
8	ACC1109	Phân tích dữ liệu trong kế toán kiểm toán	3	2	1	
9	ACC1007	Kế toán máy tính	3	2	1	
10	ACC1102	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1	
11	ACC1103	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	3	2	1	
12	ACC1107	Đạo đức nghề nghiệp và QTDN	3	2	1	
13	ACC1593	Phân tích BCTC	3	2	1	
		Môn tự chọn: 12 TC				
1	FIN1251	Thanh toán quốc tế	3	2	1	
2	FIN1152	Thị trường chứng khoán	3	2	1	
3	FIN1203	Ngân hàng	3	2	1	
4	ACC1010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		
5	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	
6	ACC1009	Kiểm toán nâng cao (Kiểm toán 2)	3	2	1	
7	BUS1108	Quản trị rủi ro	3	2	1	
8	ACC1005	Kế toán ngân hàng	3	2	1	

9	ACC1101	Kiểm soát nội bộ	3	2	1	
10	ACC1113	Chuẩn mực Trình bày BCTC quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)	3	2	1	
11	MIS1021	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	
12	ACC1006	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)	3	2	1	
13	MIS1033	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	2	1	
14	ACC1108	Kế toán tài chính (Accounting – CFAB)	3	3		
15	ACC1114	Quản trị hiệu quả hoạt động – (F5 - Performance management ACCA)	3	3		
16	Chi tiết ở dưới	NN CHUYÊN NGÀNH 1, 2, 3, 4 (không tính TC)	20	16	4	

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5		1		ENG1003

10.2.4. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (ngành thứ hai)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục chính nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục phụ trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học(chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							

1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1001	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)	3	3			ACC1013
2	ACC1003	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)	3	3			ACC1013
3	ACC1102	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1105	Kế toán quốc tế	3	3			ACC1013
5	ACC1593	Phân tích báo cáo tài chính	3	3			ACC1034
6	ACC1111	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	3	3			ACC1102

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2	3	3			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
4	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1: E-Marketing							
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
2	MIS1040	Marketing điện tử	3	3			
3	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
4	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
Nhóm 2: Quản trị TMDT và Chuyển đổi số							
1	MIS1107	Quản trị chuyển đổi số	3	3			
2	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
3	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
4	MIS1102	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3			

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
-----	-------	---------	---------	--	--	----------------------	--

			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

10.2.5. Kiến thức bổ trợ tự do

10.2.6. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

10.2.7. Kiến tập, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học tự chọn: 10 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
		Môn bắt buộc: 04 TC	10	4	6	
1	KT47	Kiến tập	2		2	
2	BC01	Thực tập cuối khóa	4		4	
		Môn tự chọn: 04 TC (<i>Chọn Khóa luận TN hoặc 2 môn học tự chọn</i>)				
1	KL05	Khóa luận TN	4		4	
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP 1	2	2		
3	ACC1008	Báo cáo tài chính hợp nhất	2	2		

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi kiến tập trong hè năm 3 (cuối HK6), tương đương 2TC. SV có thể đăng ký vượt môn Kiến tập vào hè năm 2 (cuối HK4);
- Thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC vào đầu tháng 12 của HK7.
- SV thuộc chương trình Chất lượng cao phải thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (được xem là hoạt động nghiên cứu khoa học bắt buộc theo yêu cầu đào tạo của chương trình Chất lượng cao. Tuy nhiên, đối với những SV đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có thể đăng ký học và thi 2 môn học chuyên môn tự chọn vào HK8 (4 tín chỉ) để thay cho việc làm khóa luận tốt nghiệp (thông báo số 4/ĐH KTL-BĐH ngày 28/11/2019). Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.

10.2.8. Danh sách các môn học giảng dạy song ngữ: (QĐ 790/QĐ- ĐHKTL ngày 10/8/2017 về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy): mục 12b tối thiểu 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Ngôn ngữ
-----	------------	-------------	----------

			Tiếng Anh	Song ngữ
1	ACC1105	Kế toán quốc tế		x
2	ACC1104	Kế toán quản trị		x
3	ACC1113	Chuẩn mực trình bày BCTC quốc tế		x
4	ACC1593	Phân tích BCTC		x
5	ACC1112	Kế toán quản trị nâng cao		x
6	ACC1107	Đạo đức nghề nghiệp và quản trị doanh nghiệp		x
7	ACC1102	Lý thuyết kiểm toán		x
8	ACC1109	Phân tích dữ liệu trong KTKT		x
9	ACC1108	Kế toán tài chính (Accounting – CFAB)(*)		x
10	ACC1114	Quản trị hiệu quả hoạt động – (F5 - Performance management ACCA)(**)		x
	Cộng			10

10.2.9. Danh sách môn học trợ giảng: (QĐ 142/QĐ- ĐHKTL ngày 25/1/2019 về việc ban hành quy định trợ giảng)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ACC1003	Kế toán tài chính chuyên ngành 2	4	BB
2	ACC1102	Lý thuyết kiểm toán	4	BB
3	ACC1113	Chuẩn mực trình bày BCTC quốc tế	3	TC
4	ACC1002	Thuế thực hành và khai báo	3	BB
5	ACC1104	Kế toán quản trị	3	BB
6	ACC1103	Kiểm toán phần hành (Kiểm toán 1)	3	BB
7	ACC1004	Sổ kế toán và BCTC	3	BB
8	ACC1007	Kế toán máy tính	3	BB
	Cộng		26	

11. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết		Song ngữ	Trợ giảng	
				TC	LT	T H	Tích lũy	Đã học và thi			
HỌC KỲ I- 15 TC											
		Môn học bắt buộc: 11 TC									
1	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2						
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1		3	3						
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)		3	3						
4	MAT1101	Toán cao cấp		3	3						
5	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3						
		Môn học tự chọn: 4TC									
1	GEN1103	Địa chính trị thế giới	3 môn chọn 1	2	2						
2	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2						
3	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2						
4	GEN1105	Văn hóa học	3 môn chọn 1	2	2						
5	GEN1106	Xã hội học		2	2						
6	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2						
7	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3						
HỌC KỲ II – 19 TC											
		Môn học bắt buộc: 17 TC									
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3						
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1		3	3			ECO1001			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán		3	3						
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản		3	3						
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			MAT1101			
6	GEN1007	Triết học Mác - Lênin		3	3						
7	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		2		2					
8	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		5		5					
		Môn học tự chọn: 2 TC									
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 môn chọn 1	2	2						
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2						

3	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2					
HỌC KỲ III : 15 TC										
		Môn học bắt buộc: 13 TC								
1	GEN1009	Lịch sử Đảng CSVN		2	2					
2	ACC1023	Kế toán tài chính		3	3			ACC1013		
3	BUS 1200	Marketing căn bản		3	3					
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			ECO1001 ECO1002		
5	MAT1103	Thống kê ứng dụng		2	2			MAT1002		
		Môn học tự chọn: 2 TC								
1	MIS1105	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	3 môn chọn 1	2	2					
2	GEN1107	Logic học		2	2					
3	ECO1060	Kinh tế số		2	2					
HỌC KỲ IV : 20TC										
		Môn học bắt buộc: 12 TC								
1	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2					
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2					
3	BUS 1111 FIN1102	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)		3	3			FIN1101		
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh		2	1	1				
5	ACC1001	Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)		3	3			ACC1013		
		Môn học tự chọn: 8 TC								
1		Mô hình kinh doanh số	2 môn chọn 1	3						
2	MAT1005	Kinh tế lượng		3	3			MAT1103		
3	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2 môn chọn 1	2	2					
4	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng		2	2					
5	FIN1251	Thanh toán quốc tế	3 môn chọn 1	3	3					
6	FIN1152	Thị trường chứng khoán		3	3					
7	ACC1010	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3	2	1				
HỌC KỲ V : 19 TC										
		Môn học bắt buộc: 16 TC								
1	ACC1002	Thuế - Thực hành và khai báo		3	3					
2	ACC1003	Kế toán tài chính chuyên ngành 2 (Kế toán tài chính 2)		4	4			ACC1013		x
3	ACC1105	Kế toán quốc tế		3	3			ACC1013	x	
4	ACC1102	Lý thuyết kiểm toán		3	3					x
5		Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		3	3			MAT1103		
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)								
1	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán		3	3					



2	FIN1203	Ngân hàng	3	3					
3	ACC1101	Kiểm soát nội bộ	3	3					
HỌC KỲ VI : 22TC									
		Môn học bắt buộc: 19 TC							
1	ACC1103	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	3	3			ACC1102		
2	ACC1104	Kế toán quản trị	3	3				x	
3	ACC1004	Sổ kế toán và báo cáo tài chính	3	3			ACC1013		
4	ACC1107	Đạo đức nghề nghiệp và QTDN	3	3				X	
5	ACC1593	Phân tích BCTC	3	3			ACC1001	X	
6	GEN1010	CNXH khoa học	2	2					
7	KT47	Kiến tập (cuối HK 6)	2		2				
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)							
1	ACC1113	Chuẩn mực Trình bày BCTC Quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)	3	3			ACC1105	x	x
2	ACC1005	Kế toán ngân hàng	3	3			ACC1013		
3	ACC1108	Kế toán tài chính (Accounting – CFAB)		3	3	4			
4	ACC1006	Kế toán tài chính chuyên ngành 3 (Kế toán tài chính 3)	3	3			ACC1013		
HỌC KỲ VII : 12TC									
		Môn học bắt buộc: 09 TC							
1	ACC1007	Kế toán máy tính	3	3			ACC1013		
2	Mới	Phân tích dữ liệu trong kế toán và kiểm toán	3	2	1				
3	ACC1112	Kế toán quản trị NC	3	3			ACC1104	x	
		Môn học tự chọn chuyên sâu (3 TC)							
1	ACC1111	Kiểm toán nâng cao (kiểm toán 2)	3	2	1				
2	BUS1108	Quản trị rủi ro	3	3					
3	ACC1114	Quản trị hiệu quả hoạt động – (F5 - Performance management ACCA)	3	3					
4	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3	3					
HỌC KỲ VIII : 8 TC									
		Môn bắt buộc: 04 TC	8						
1	BC01	Thực tập cuối khóa	4		4				
		Môn tự chọn: 04 TC (Chọn Khóa luận TN hoặc 2 môn học tự chọn)							
1	KL05	Khóa luận TN	4		4				
2.1	ACC1008	Chuyên đề 2: Báo cáo tài chính hợp nhất	2	2					
2.2	ACC1009	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP 1	2	2					

12. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

12.1. Các môn học thuộc kiến thức chung toàn trường

CÁC MÔN HỌC THUỘC KIẾN THỨC CHUNG TOÀN TRƯỜNG BẮT BUỘC

1) Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

2) Môn học: LÝ THUYẾT XÁC XUẤT

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Kết thúc môn học, sinh viên nắm được các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

3) Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học: Cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

4) Môn học: TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

- Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.
- Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

5) / KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học:

- + Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C.Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.

+ Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

6) Môn học: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước

7) Môn học: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng.

Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

8) Môn học: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin

Nội dung:

Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

9) Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

10) Môn học: KINH TẾ VI MÔ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng

Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế

11) Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ.

Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định nền kinh tế.

12) Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học: Kết thúc môn học, sinh viên hiểu được chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

Các môn giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng bắt buộc

1) Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 6 tín chỉ

Nội dung môn học: Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

2) Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 5 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

CÁC MÔN HỌC THUỘC KIẾN THỨC CHUNG TOÀN TRƯỜNG TỰ CHỌN

1) Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam. Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

2) Môn học: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức về các khái niệm hoạt động nhận thức, trí nhớ, đời sống tình cảm, hành động ý chí, nhân cách, giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách con người.

3) Môn học: NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về các hình thức, phương tiện giao tiếp trong kinh doanh.

4) Môn học: VĂN HÓA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

5) Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

6) Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

7) Môn học: QUAN HỆ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,...

Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

8) Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, Thống kê ứng dụng

Nội dung môn học: Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

9) Môn học: NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Nội dung môn học: trang bị cho sinh viên những kiến thức để hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong nghiên cứu nhân học, hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nhân học.

10) Môn học: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

11) Môn học: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Học phần này giúp sinh viên nắm được một số nội dung cơ bản xoay quanh vấn đề về văn hóa Việt Nam như: định nghĩa, nguồn gốc hình thành, lược sử phát triển; các đặc trưng cơ bản như: tính thống nhất trong đa dạng, cơ tầng văn hóa lúa nước với đặc trưng văn hóa làng xã, tính cộng đồng và tự trị trong hành vi và cách nghĩ của người Việt xưa, tính linh hoạt và mềm dẻo, v.v.. Song song với những vấn đề chung, học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về các lĩnh vực văn hóa cụ thể như: văn hóa ứng xử vùng miền, các phong tục tập quán, trang phục, ẩm thực và một số loại hình nghệ thuật truyền thống.v.v..

Trên cơ sở đó, học phần cũng định hướng cho sinh viên về phương pháp nhận diện và phân tích các đặc trưng văn hóa Việt Nam thể hiện qua tập quán, phong tục hay tiềm ẩn trong lối nghĩ, hành vi, ngôn ngữ của nhân dân. Thông qua đó, sinh viên có thể vận dụng những hiểu biết về văn hóa Việt Nam để thích nghi tốt với môi trường sống, học tập và làm việc tại (một số vùng miền) Việt Nam, có sự thấu cảm và bao dung văn hóa cũng như có thể quảng bá văn hóa Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Đặc biệt, qua học phần này, sinh viên tích lũy được một vốn ngữ liệu chuyên ngành văn hóa học nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, đồng thời cũng mở rộng khả năng bao quát các vấn đề có liên quan đến văn hóa trong cái nhìn đối sánh

12) Nghiệp vụ hành chính văn phòng

Thời lượng : 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên cá kiến thức, kỹ năng định, tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.

13) Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo

Thời lượng : 2 tín chỉ

Nội dung môn học: Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

14) Kinh tế số (DIGITAL ECONOMICS)

Thời lượng : 2 tín chỉ

Phân bổ thời gian: 30 tiết(20 tiết lý thuyết + 10 tiết thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải tích lũy được môn Kinh tế vi mô 1.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

12.2. Các môn kiến thức cơ sở khối ngành ngành

CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỐI NGÀNH NGÀNH BẮT BUỘC

1) Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học là những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin BCTC.

2) Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế.

3) Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Nội dung môn học: Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức)...

4) Môn học: KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn Kinh tế vi mô, Kinh tế học vĩ mô.

Nội dung môn học: Cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của VN.

5) Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng. Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

6) Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thị trường tài chính

Nội dung môn học: Môn học Quản trị tài chính gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro & lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư.

Các nội dung bao quát trong chương trình gồm:

- Tổng quan về quản trị tài chính
- Báo cáo tài chính và dòng tiền
- Phân tích báo cáo tài chính
- Giá trị theo thời gian của tiền
- Rủi ro và lợi nhuận
- Các
- tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư
- Ước lượng dòng tiền và đánh giá rủi ro dự án

7) Môn học: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH DOANH

Thời lượng : 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, Thống kê ứng dụng

Nội dung môn học: Học phân sử dụng những kiến thức cơ bản và cốt lõi của thống kê ứng dụng qua việc sử dụng các công cụ này để phân tích các bộ dữ liệu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như tình hình hoạt động của thị trường trong và ngoài nước ở lĩnh vực mà doanh nghiệp quan tâm giúp cho việc ra quyết định của các doanh nghiệp trong mọi vấn đề sẽ toàn diện và đầy đủ nhất, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro trong hoạt động. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh sử dụng đa dạng các công cụ của thống kê như bảng tần số, kiểm định giả thuyết, đồ thị, biểu đồ kiểm soát chất lượng... cũng như một số mô hình hồi quy qua các ví dụ, bộ dữ liệu gần với thực tế nhất sẽ giúp cho sinh viên thuận lợi trong việc vận dụng kiến thức của môn học cho lĩnh vực mình theo đuổi. Cuối cùng, việc sử dụng các phần mềm

thông dụng trong môn học như SPSS, Stata, Python,... sẽ giúp sinh viên tự tin với các yêu cầu của công việc liên quan trong tương lai.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ KHỎI NGÀNH NGÀNH TỰ CHỌN

1) Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải áp dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng trình bày; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.

Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng như làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, ... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp sinh viên hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.

2) Mô hình kinh doanh số

Thời lượng : 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Nội dung môn học: Môn học Mô hình kinh doanh số là cầu nối giữa kinh doanh truyền thống với kinh doanh hiện đại khi nền kinh tế toàn cầu dần dịch chuyển lên môi trường số. Môn học giúp người học biết được cốt lõi hoạt động của một doanh nghiệp số, xác định được cơ hội nhờ đó mô hình kinh doanh số có thể tạo ra sự đổi mới vượt bậc trong những thị trường mới hoặc hiện hữu, đánh giá được mức độ phù hợp của những mô hình kinh doanh cụ thể, hiểu được cách thiết kế mô hình kinh doanh số và hàm ý của nó với các lĩnh vực quản trị cụ thể trong doanh nghiệp như tài chính, kế toán, thông tin quản lý, quản trị nguồn nhân lực, bán hàng, marketing... Môn học được thiết kế gồm sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, với những ví dụ sinh động từ các doanh nghiệp có thật, cùng cơ hội thực hành phân tích và thiết kế mô hình kinh doanh số cho người học.

12.3. Các môn thuộc kiến thức chuyên ngành chính

CÁC MÔN THUỘC KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH CHÍNH BẮT BUỘC

1) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính. Xử lý về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính liên quan đến các phần hành kế toán: các quá trình SX-KD chủ yếu của doanh nghiệp; các khoản đầu tư; các khoản thanh toán; hoạt động khác và xác định KQKD; vốn chủ sở hữu và báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CHUYÊN NGÀNH 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính liên quan đến các phần hành kế toán: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm; Kế toán tiêu thụ thành phẩm.

3) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CHUYÊN NGÀNH 2

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính liên quan đến các phần hành kế toán: tiền, các khoản thanh toán, BĐS đầu tư và đầu tư tài chính, hoạt động khác, vốn chủ sở hữu và phân phối kết quả kinh doanh.

4) Môn học: THUẾ - THỰC HÀNH VÀ KHAI BÁO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến bản chất và ảnh hưởng của thuế, chính sách và các quy định về thuế đến doanh nghiệp tại Việt Nam. Các phương pháp tính thuế, lập báo cáo thuế, nghiệm cứu các điều kiện nộp thuế, miễn giảm thuế,...chỉnh sửa báo cáo thuế.

5) Môn học: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học này nhấn mạnh các nguyên tắc và kỹ thuật của quản lý và kế toán chi phí. Môn học tập trung vào các khái niệm và phương pháp liên quan đến việc cung cấp dữ liệu kế toán và liên quan cho mục đích lập kế hoạch quản lý và kiểm soát, bao gồm:

- Mô tả hành vi chi phí theo các giả định khác nhau và so sánh các hệ thống chi phí được thiết kế để cung cấp thông tin phù hợp và kịp thời cho người quản lý để ra quyết định phân bổ và quản lý nguồn lực.
- Áp dụng các kỹ thuật quản lý chi phí thông thường và hiện đại được sử dụng trong các ngành sản xuất.
- Giải thích những lợi ích và hạn chế của các kỹ thuật quản lý chi phí hiện đại.
- Áp dụng các kỹ thuật lập ngân sách và chi phí tiêu chuẩn cho phép các nhà quản lý đo lường và giám sát hiệu suất.

- Áp dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề cho các hoạt động cá nhân và / hoặc nhóm xử lý thông tin chi phí để ra quyết định

6) Môn học: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NÂNG CAO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị

Nội dung môn học: This course emphasizes the principles and techniques of strategic management for managing the resources and creating value. It focuses on the concepts and methods relevant to providing accounting and related data for management strategy and implementation, includes:

- Create a simple map to communicate strategic direction
- Understand the power of performance measurement in guiding strategy execution
- Gain a realistic view of what balanced scorecards can and cannot deliver.
- Design KPIs to align activity to strategy and encourage the right behaviour.
- Understand how to manage suppliers and customers and how to manage costs and quality of goods or services.
- Gain a view of sustainable development of the organization in adopting management accounting.
- Create the strategies to setting price in the market for single and multiple product mix.

7) Môn học: SỔ SÁCH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về: tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán và Báo cáo tài chính; thực hành lập và hoàn chỉnh chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

8) Môn học: KẾ TOÁN MÁY TÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến phương pháp sử dụng phần mềm kế toán bao gồm: phương pháp tổ chức công tác kế toán đối với một đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán; phương pháp phân công, phân nhiệm trong kế toán đối với đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán; Phương pháp kế toán các phần hành hàng tồn kho, công nợ, tài sản cố định, tiền,... đối với đơn vị có sử dụng phần mềm kế toán.

9) Môn học: LÝ THUYẾT KIỂM TOÁN

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Học phần này giới thiệu nội dung chú trọng vào hoạt động kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo tài chính.

Nội dung môn học tập trung vào các khái niệm trong kiểm toán, phương pháp tiếp cận kiểm toán theo định hướng rủi ro. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn cách nhận diện

gian lận và sai sót liên quan đến báo cáo tài chính, đánh giá rủi ro kiểm toán và các thành phần rủi ro từ đó kiểm toán viên có những biện pháp xử lý rủi ro, các kỹ thuật thu thập bằng chứng cụ thể nhằm đảm bảo kiểm toán viên có thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để phát hành báo cáo kiểm toán hợp lý. Môn học giới thiệu quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm ba (3) giai đoạn: Lập kế hoạch; thực hiện; hoàn thành và lập báo cáo kiểm toán.

10) Môn học: KIỂM TOÁN 1 (Kiểm toán phần hành)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết kiểm toán

Nội dung môn học:

Môn học nhấn mạnh kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính tại một doanh nghiệp cụ thể. Môn học cũng xem xét các vấn đề trong thực hành kiểm toán như: Các phương pháp chọn mẫu và các thủ tục kiểm toán tại các quy trình cụ thể như bán hàng thu tiền, mua hàng và thanh toán, quy trình tiền, TSCĐ. Môn học cũng trang bị những kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc của một kiểm toán viên độc lập như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện...

11) Môn học: ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học không chỉ cung cấp kiến thức phù hợp về đạo đức nghề nghiệp mà còn cung cấp các chế độ quy định, yêu cầu tuân thủ khi thực hiện kế toán hoặc kiểm toán trong các công ty. Phần này bao gồm tổng quan về chuyên môn, ra quyết định về đạo đức nghề nghiệp và công ty và đạo đức nghề nghiệp.

Ngoài ra, phần 2 của môn học cung cấp thành phần cốt lõi của nền tảng kiến thức và kỹ năng về hệ thống quản trị doanh nghiệp. Phần này bao gồm tổng quan về quản trị công ty, hội đồng quản trị và các vấn đề liên quan, cách tiếp cận quản trị công ty, trách nhiệm xã hội của công ty (CSR) và quản trị công ty.

12) Môn học: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan đến phân tích báo cáo tài chính trên ba khía cạnh: phân tích chiến lược, môi trường kế toán và phân tích tài chính. Sinh viên sẽ được phân nhóm và nghiên cứu về một số công ty trên thị trường. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin tài chính và phi tài chính, phục vụ cho công tác ra quyết định của nhà quản trị.

13) Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Phần I : Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày

các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).

Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất

14) Môn học: KẾ TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học này giới thiệu các khái niệm và chuẩn mực cơ bản về kế toán quốc tế. Kế toán quốc tế là nghiên cứu về một đơn vị được báo cáo là một công ty đa quốc gia hoặc một đơn vị có nghĩa vụ báo cáo đối với các bên liên quan được phân bố ở một quốc gia khác với quốc gia của đơn vị báo cáo. Môn học với thiệu chi tiết về sự hội tụ của các Nguyên tắc Kế toán được Chấp nhận Chung của Hoa Kỳ (GAAP) và Các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS). Một số khái niệm quan trọng sẽ được nghiên cứu chi tiết, bao gồm: phân tích và ghi chép giao dịch, điều chỉnh tài khoản, hoàn thiện chu trình kế toán, hoạt động kinh doanh hàng hóa, hàng tồn kho, các khoản phải thu, các khoản phải trả, hệ thống thông tin kế toán và kiểm soát nội bộ tiền mặt. Khóa học nhấn mạnh việc xây dựng các báo cáo tài chính - báo cáo thu nhập, báo cáo vốn chủ sở hữu, bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ - cũng như cách diễn giải của chúng.

15) Môn học: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KTKT

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học bao gồm những hiểu biết cơ bản về phân tích dữ liệu trong kế toán và kiểm toán. Xác định và giải thích tác động của phân tích dữ liệu đối với hoạt động kinh doanh và công tác kế toán, kiểm toán. Ngoài ra, môn học giúp phát triển tư duy phân tích, được hỗ trợ với một bộ công cụ được cung cấp để trích xuất, chuyển đổi, xác nhận và trực quan hóa dữ liệu. Môn học bao gồm các mô hình và kỹ thuật khác nhau được sử dụng để phân tích dữ liệu, một kỹ năng ngày càng quan trọng đối với kế toán và kiểm toán viên. Tất cả các kỹ thuật đều được hỗ trợ bởi các ví dụ và trường hợp cụ thể. Môn học không nhằm mục đích dạy một công cụ duy nhất mà cung cấp một cái nhìn tổng thể về phân tích và các công cụ khác nhau được sử dụng trong quy trình.

16) Môn học: THỰC TẬP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: □ Tất cả sinh viên năm cuối của chương trình đào tạo hoặc sau khi đã hoàn thành ít nhất 100 tín chỉ của chương trình, để hoàn thành chương trình đào tạo phải thực tập tại các doanh nghiệp và viết BCTT, trừ những sinh viên thuộc diện tạm dừng học tập hoặc đình chỉ học tập.

Nội dung môn học: Thực tập là tập sự công việc thực tế, rèn luyện kỹ năng mềm, thực hành các lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh hoặc kiểm toán, tin học hoá công tác kế toán ở một đơn vị thực tế, nhằm trang bị cho sinh viên sắp tốt nghiệp các kỹ năng của ngành nghề kế toán kiểm toán. Sinh viên có thể thực tập tại một đơn vị sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp hoặc một công ty kiểm toán, sinh viên có thể chọn đề tài thuộc lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh, kiểm toán, hoặc hệ thống thông tin kế toán.

Trong quá trình thực tập, sinh viên phải tìm hiểu, vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn, sưu tầm tài liệu làm cơ sở viết báo cáo chuyên đề tốt nghiệp/KLTN với đề tài tự chọn. Báo cáo chuyên đề tốt nghiệp/KLTN phải được đơn vị thực tập nhận xét, đánh giá và nộp theo đúng quy định của Trường, Khoa.

17) Môn học: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên được viết KLTN khi đáp ứng đầy đủ tất cả các điều kiện sau đây:

- Thuộc trong nhóm 10% số sinh viên lớp có điểm trung bình cao nhất lớp
- Điểm trung bình tích lũy của 7 học kỳ đầu đạt từ 7,0 trở lên.
- Không còn nợ tín chỉ tính đến thời điểm xét điều kiện làm KLTN.
- BCTT đạt điểm 8,0 trở lên và được GVHD đánh giá đủ điều kiện phát triển lên KLTN.
- Sinh viên hội đủ điều kiện viết KLTN có thể lựa chọn học các môn chuyên môn thay cho việc viết KLTN.

Nội dung môn học: Trong KLTN, sinh viên thể hiện nội dung tìm hiểu, nghiên cứu, vận dụng chuyên sâu ở một chủ đề cụ thể. Sinh viên có thể chọn đề tài thuộc lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh, kiểm toán, hoặc hệ thống thông tin kế toán hoặc các đề tài nghiên cứu khoa học. Sinh viên thực hiện viết KLTN dưới sự hướng dẫn của GVHD. Sinh viên cần tuân thủ các quy định của GVHD về thời gian-số lần gặp gỡ, lịch trình và các nội dung làm việc có liên quan.

CÁC MÔN THUỘC KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH CHÍNH TỰ CHỌN

1) Môn học: CHUẨN MỰC TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (kế toán quốc tế nâng cao)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quốc tế

Nội dung môn học: This course serves as a roadmap to provide guidance and a path through the period of convergence of international reporting standards for major students. It includes intensive IFRSs covering all important items of financial statements (FS): Presentation of FS (IAS 1), Cash flow statement (IAS 7), Inventory (IAS 2) and other special – issues as Conceptual Framework (Framework), Provisions and contingent assets, contingent liabilities (IAS 37), Non current assets held for sale and discontinued operations (IFRS 5), Accounting policies, estimates and errors (IAS 8) and Events after balance sheet date (IAS 10).

The content of each chapter follows the same headings as used in the IASB statement: objective and scope, recognition, measurement, presentation and disclosures.

Illustrations and tables are included to enhance students' understanding by a walkthrough of mini scenarios and exercises interspersed throughout the chapter. Short excerpts/notes disclosures from actual financial statements prepared under IFRS are also provided in each lecture.

2) Môn học: QUẢN TRỊ RỦI RO

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Quản trị rủi ro là một hoạt động rất cần thiết áp dụng cả trong kinh doanh lẫn cuộc sống hàng ngày. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp giúp các nhà quản trị chủ động kiểm soát những tổn thất và đôi lúc biến rủi ro thành cơ hội trong kinh doanh. Môn học “Quản trị rủi ro” giúp sinh viên có một kiến thức tổng quát về quản trị rủi ro từ nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Nếu nắm vững những kiến thức trên nhà quản trị không chỉ tìm ra những giải pháp phòng ngừa, né tránh và hạn chế những thiệt hại do rủi ro gây ra mà trong một số trường hợp còn biến rủi ro thành cơ hội. Một số rủi ro chủ yếu của doanh nghiệp như: rủi ro tác nghiệp, rủi ro tài chính, ... được giới thiệu trong môn học sẽ giúp sinh viên hiểu biết thêm và có kiến thức thực tiễn trong quản trị rủi ro.

3) Môn học: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu thị trường tài chính quốc tế, các công cụ tài chính trên thị trường tài chính quốc tế, đi sâu nghiên cứu thị trường ngoại hối, các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường ngoại hối. Môn học nghiên cứu sâu lý thuyết về tỉ giá, các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ giá, mối liên hệ giữa tỉ giá hối đoái và thương mại quốc tế. Môn học cũng đi sâu nghiên cứu về cán cân thanh toán quốc tế, ý nghĩa của cán cân thanh toán quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, các chính sách điều tiết cán cân thanh toán. Môn học nghiên cứu về vấn đề nợ quốc gia, các lý thuyết về nợ quốc gia, nguyên nhân nợ quốc gia và các giải pháp giải quyết vấn đề nợ quốc gia

4) Môn học: NGÂN HÀNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trình bày về các kiến thức cơ bản và nền tảng chuyên sâu về tiền tệ, quá trình phát hành tiền và điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương cùng với các nguyên lý hoạt động của hệ thống ngân hàng.

5) Môn học: THANH TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên về các phương thức thanh toán, phương tiện thanh toán, các tập quán và các chứng từ được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế.

6) Môn học: KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về các nghiệp vụ ngân hàng phổ biến ở các ngân hàng thương mại như huy động vốn, cho vay, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế được lồng ghép vào kiến thức về công tác kế toán các phần hành này trong ngân hàng thương mại. Môn học trình bày nguyên tắc chung khi thực hiện công tác kế toán tại các ngân hàng thương mại vì mỗi ngân hàng thương mại có hệ thống riêng về phần mềm quản trị cũng như phần mềm kế toán.

7) Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CHUYÊN NGÀNH 3

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính chuyên ngành 1 (Kế toán tài chính 1)

Nội dung môn học: Nội dung của môn học bao gồm những kiến thức về kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh đặc thù như: doanh nghiệp kinh doanh thương mại, doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng, chủ đầu tư, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

8) Môn học: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học thị trường chứng khoán gồm 4 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán. Sinh viên được trang bị các nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động của Thị trường chứng khoán của các thành phần tham gia cốt lõi trên thị trường. Những quy định về giao dịch và phương pháp đầu tư chứng khoán.

9) Môn học: KIỂM TOÁN 2 (Kiểm toán nâng cao)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết kiểm toán

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan khái niệm, nguyên tắc kiểm toán chuyên sâu và vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến tổ chức công tác kiểm toán. Môn học tiếp tục giới thiệu thủ tục kiểm toán cho các quy trình: hàng tồn kho và giá thành, đồng thời đề cập đến các vấn đề chuyên sâu trong kiểm toán như: kiểm toán trong môi trường tin học, kiểm toán các ước tính kế toán và giải quyết các tình huống thường gặp trong thực hành kiểm toán.

10) Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh.

Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kể đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối

cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi.

11) Môn học: KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Nội dung môn học: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các điều kiện cụ thể liên quan đến kiểm toán nội bộ. Sinh viên sẽ phát triển sự hiểu biết về tầm quan trọng của kiểm toán nội bộ trong các công ty, cũng như sự kết nối với các hệ thống thông tin. Môn học cũng giới thiệu và củng cố các khái niệm và mô hình liên quan đến kiểm toán nội bộ và quản trị công ty. Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức đã có cho 3 phạm vi thực hiện của Kiểm toán nội bộ: quản trị công ty, phân tích rủi ro và kiểm soát nội bộ. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức liên quan khái niệm, nguyên tắc của hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO 2013 và các vấn đề thực tiễn liên quan đến việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ. Môn học cũng phân tích các nhóm mục tiêu trong việc thiết kế và thi hành hệ thống kiểm soát nội bộ, các nguyên tắc khi xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ tại các quy trình cụ thể. Môn học cũng giới thiệu các nguyên tắc quản lý rủi ro đang được áp dụng tại các doanh nghiệp.

12) Môn học: TÍCH HỢP QUY TRÌNH KINH DOANH VỚI CÁC HỆ THỐNG ERP (chuyên đề)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học gồm 2 phần.

Phần I: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực tập với Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay là SAP ERP với gói Dataset GBI2 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program).

Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất. Trong phần này, sinh viên được thực tập trên SAP ERP với rất nhiều các real-world case study (do UAC cung cấp) xoay quanh doanh nghiệp GBI2, một doanh nghiệp có qui mô tổ chức trên phạm vi toàn cầu, sinh viên được tham gia đóng vai trò như một chuyên viên tác nghiệp trong từng phòng ban của doanh nghiệp GBI2.

13) Môn học: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (chuyên đề)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm :giới thiệu môi trường pháp lý và giải thích các thuật ngữ chung; Xác định tổ chức kinh tế và điều kiện ảnh hưởng kiểm soát; Phân tích giao dịch mua, kế toán lợi thế thương mại; Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh; Quy trình nhập dữ liệu và xử lý số liệu khi lập báo cáo hợp nhất.

14) Kế toán tài chính (Accounting CFAB)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Nội dung môn học nhằm giúp sinh viên thành thạo việc sử dụng các kỹ thuật trong kế toán kép và duy trì các khoản kế toán; Có thể xác định và sửa lỗi các sai sót trong các khoản mục kế toán và báo cáo tài chính; Có thể phân loại các thành tố của báo tài chính, lập và trình bày các báo cáo đơn giản cho đối tác.

15) Quản trị hiệu quả hoạt động (Management performance F5 ACCA)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giúp học viên phát triển kỹ năng trong việc ứng dụng các kỹ thuật của kế toán quản trị nhằm định lượng và định tính các thông tin cho việc lập kế hoạch, ra quyết định, đánh giá và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp. Nội dung môn học gồm bốn học phần chính: Kỹ thuật kế toán quản trị và kế toán chi phí (Specialist cost and accounting techniques); Kỹ thuật ra quyết định (Decision making techniques); Lập ngân sách và kiểm soát (Budgeting and control); Đo lường quản lý hiệu quả hoạt động và kiểm soát (Performance management and control).

13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Phạm Thị Huyền Quyên, 1974		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán	Nguyên lý kế toán
	Phan Đức Dũng, 1967	Phó giáo sư, 2015	Tiến sỹ, VN, 2002	Kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế	
2	Trần Thanh Thúy Ngọc, 1983		Thạc sỹ, VN, 2009	Kế toán	Kế toán tài chính
	Nguyễn Thị Thu Thùy, 1975		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán tài chính doanh nghiệp	
3	Hồ Xuân Thủy, 1976, Trưởng Khoa KTKT		Tiến sỹ, VN, 2017	Kế toán – Kiểm toán	Kế toán tài chính 1
	Phạm Thị Huyền Quyên, 1974		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán	

4	Lợi Minh Thanh, 1976		Thạc sỹ, VN, 2004	Kế toán – Kiểm toán	Kế toán tài chính 2
	Phạm Thị Huyền Quyên, 1974		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán	
5	Nguyễn Thị Thu Thủy, 1975		Thạc sỹ, VN, 2005	Kế toán tài chính doanh nghiệp	Kế toán tài chính 3
	Phan Đức Dũng, 1967	Phó giáo sư, 2015	Tiến sỹ, VN, 2002	Kế toán, tài vụ và phân tích hoạt động kinh tế	
6	Nguyễn Chí Hiếu, 1984		Thạc sỹ, VN, 2011	Kế toán – Kiểm toán	Thuế thực hành và khai báo
	Phạm Quốc Thuần, 1974, Trưởng BM Kế toán		Tiến sỹ, VN, 2017	Kế toán – Kiểm toán	
7	Nguyễn Thị Khoa, 1968		Tiến sỹ, VN, 2017 (Đại học, Nga, 1990)	Kinh tế học	Sổ kế toán và báo cáo tài chính
	Lợi Minh Thanh, 1976		Thạc sỹ, VN, 2004	Kế toán – Kiểm toán	
8	Phạm Quốc Thuần, 1974, , Trưởng BM Kế toán		Tiến sỹ, VN, 2017	Kế toán – Kiểm toán	Kế toán máy tính
	Lưu Văn Lập, 1983		NCS, Thạc sỹ, VN	Kế toán	
9	Nguyễn Thị Phượng Loan, 1985		Thạc sỹ, VN, 2013	Kinh tế tài chính ngân hàng (Cử nhân KTKT)	Kế toán quản trị
	Bùi Ánh Thành, 1976		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quốc tế	
10	Nguyễn Thị Lan Anh, 1968		Tiến sỹ, Úc, 2014	Tài chính kế toán	Kế toán quản trị nâng cao
	Nguyễn Hoàng Diệu Hiền, 1987		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quản lý	
11	Trương Thị Hạnh Dung, 1988		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	Kế toán quốc tế
	Nguyễn Hoàng Diệu Hiền, 1987		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quản lý	
12	Nguyễn Vĩnh Khương, 1990		Thạc sỹ, VN, 2015	Kế toán	Lý thuyết kiểm toán
	Mai Thị Phương Thảo, 1989		Thạc sỹ, VN, 2014	Tài chính	
13	Hoàng Thị Mai Khánh, 1986, Phó trưởng BM Kiểm toán		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ
	Nguyễn Vĩnh Khương, 1990		Thạc sỹ, VN, 2015	Kế toán	
14	Bùi Ánh Thành, 1975		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quốc tế	Kiểm toán 1
	Mai Thị Phương Thảo, 1989		Thạc sỹ, VN, 2014	Tài chính	
15	Hoàng Thị Mai Khánh, 1986, Phó trưởng BM Kiểm toán		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	Kiểm toán 2
	Bùi Ánh Thành, 1975		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quốc tế	

16	Trương Thị Hạnh Dung, 1988		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	Chuẩn mực trình bày BCTC quốc tế (IFRS)
	Trần Thanh Thúy Ngọc, 1983		Thạc sỹ, VN, 2009	Kế toán	
17	Trương Thị Hạnh Dung, 1988		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	Accounting - CFAB
	Trần Thanh Thúy Ngọc, 1983		Thạc sỹ, VN, 2009	Kế toán	
18	Bùi Ánh Thành, 1975		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quốc tế	Quản trị hiệu quả hoạt động – (F5 - Performance management ACCA)
	Nguyễn Hoàng Diệu Hiền, 1987		Thạc sỹ, Úc, 2012		
19	Hoàng Thị Mai Khánh, 1986, Phó trưởng BM Kiểm toán		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	Phân tích BCTC
	Nguyễn Vĩnh Khương, 1990		Thạc sỹ, VN, 2015	Kế toán	
20	Mai Thị Phương Thảo, 1989		Thạc sỹ, VN, 2014	Tài chính	Đạo đức nghề nghiệp và quản trị doanh nghiệp
	Lưu Văn Lập, 1983		NCS, Thạc sỹ, VN	Kế toán	
21	Nguyễn Vĩnh Khương, 1990		Thạc sỹ, VN, 2015	Kế toán	Phân tích dữ liệu trong KTKT
	Hoàng Thị Mai Khánh, 1986, Phó trưởng BM Kiểm toán		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	
22	Bùi Ánh Thành, 1975		Thạc sỹ, Úc, 2012	Kế toán quốc tế	Chuyên đề Báo cáo tài chính hợp nhất
	Hoàng Thị Mai Khánh, 1986, Phó trưởng BM Kiểm toán		Thạc sỹ, VN, 2014	Kế toán	

14. Danh sách cố vấn học tập

K21405C: TS Phạm Quốc Thuần

K22405C: ThS Phạm Thị Huyền Quyên

15. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

15.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng máy 1	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKHT-Luật	
2	Phòng máy 2	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKHT-Luật	
3	Phòng máy 3	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKHT-Luật	
4	Phòng máy 4	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKHT-Luật	

15.2. Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

15.3. Giáo trình, tập bài giảng:

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1.	Nguyên lý kế toán	Giáo trình Nguyên lý kế toán	La Xuân Đào (chủ biên), ThS Nguyễn Chí Hiếu, ThS Nguyễn Thị Phượng Loan, ThS Trần Thanh Thúy Ngọc, ThS Phạm Thị Huyền Quyên, ThS Lợi Minh Thanh, ThS Phạm Quốc Thuần, ThS Nguyễn Thị Thu Thủy, ThS Hồ Xuân Thủy	ĐHQG - HCM	2016
		Sách tham khảo Bài tập Nguyên Lý kế toán	TS Phạm Quốc Thuần (chủ biên), TS Nguyễn Thị Lan Anh, TS, Hồ Xuân Thủy, TS La Xuân Đào, TS Nguyễn Thị Khoa, ThS Nguyễn Chí Hiếu, ThS Trần Thanh Thúy Ngọc, ThS Phạm Thị Huyền Quyên, ThS Lợi Minh Thanh, ThS Nguyễn Thị Thu Thủy	ĐHQG - HCM	2018
2.	Kế toán tài chính	Giáo trình Kế toán tài chính	Hồ Xuân Thủy (chủ biên), Phạm Thị Huyền Quyên, Lợi Minh Thanh, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thanh Thúy Ngọc, Nguyễn Thị Khoa	ĐHQG - HCM	2019
		Sách tham khảo Bài tập Kế toán tài chính	TS Hồ Xuân Thủy, ThS Phạm Thị Huyền Quyên (chủ biên), Phạm Quốc Thuần, Nguyễn Thị Khoa, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thanh Thúy Ngọc, Nguyễn Chí Hiếu, Lợi Minh Thanh	ĐHQG - HCM	2018
3.	Kế toán tài chính 1, 2, 3	Sách tham khảo Kế toán tài chính 1	TS Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), ThS Trần Thanh Thúy Ngọc, ThS Hồ Xuân Thủy, ThS Nguyễn Thị Thu Thủy.	ĐHQG - HCM	2016
		Bài tập Kế toán tài chính	TS Hồ Xuân Thủy, ThS Phạm Thị Huyền Quyên (Đồng chủ biên) Nguyễn Thị, Phạm Quốc Thuần, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lợi Minh Thanh, Trần Thanh Thúy Ngọc, Nguyễn Chí Hiếu	ĐHQG - HCM	2018
		Kế toán tài chính 1, 2	Bộ môn Kế toán tài chính, Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM	Kinh tế	2017
4.	Thuế - Thực hành và khai báo	Sách tham khảo Thuế thực hành và khai báo	TS Phạm Quốc Thuần và ThS Nguyễn Chí Hiếu (đồng chủ	ĐHQG - HCM	2020

			biên), TS Nguyễn Thị Lan Anh, Đặng Văn Cường		
5.	Kế toán quốc tế	Financial Accounting with International Financial Reporting Standards, 4th Edition	Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso	Wiley	2018
6.	Kế toán quản trị	Management Accounting, 7edition.	Langfield-Smith, Thorne, Smith, Hilton	Mc-Graw-Hill Education (Australia) Pty Ltd	2015
		Bài tập Kế toán quản trị	La Xuân Đào (chủ biên), Nguyễn Hoàng Diệu Hiền, Phạm Thị Huyền Quyên, Nguyễn Thị Phương Loan, Phan Đức Dũng	ĐHQG - HCM	2014
7.	Kế toán quản trị nâng cao	Management Accounting, 7edition	Langfield-Smith, Thorne, Smith, Hilton.,	Mc-Graw-Hill Education (Australia) Pty Ltd	2015
8.	Sổ kế toán và báo cáo tài chính	Giáo trình Kế toán phần hành 1	TS Nguyễn Thị Khoa (chủ biên), ThS Phạm Thị Huyền Quyên, ThS Lợi Minh Thanh, ThS Nguyễn Thị Thu Thủy, ThS Lưu Văn Lập	ĐHQG - HCM	2020
9.	Kế toán máy tính	Bài giảng phần mềm kế toán VietSun	TS Phạm Quốc Thuần ThS Lưu Văn Lập	Giảng viên	Mới nhất
10.	Lý thuyết kiểm toán	Sách tham khảo Kiểm toán	La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đinh Tấn Tường	ĐHQG – HCM	2014
		Sách tham khảo Bài tập Kiểm toán	La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đào Vũ Hoài Giang, Đinh Tấn Tường	ĐHQG – HCM	2015
		Auditing and Assurance Services: An Integrated Approach.	Alvin A.Arens, Randal J.Elder và Mark S. Beasley	Pearson	2014
		CMKT Việt Nam	BTC		2012
11.	Kiểm toán 1 (Kiểm toán phần hành)	Sách tham khảo Kiểm toán	La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đinh Tấn Tường	ĐHQG – HCM	2014
		Sách tham khảo Bài tập Kiểm toán	La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đào Vũ Hoài Giang, Đinh Tấn Tường	ĐHQG – HCM	2015
		Auditing and Assurance Services: An Integrated Approach.	Alvin A.Arens, Randal J.Elder và Mark S. Beasley	Pearson	2014
		CMKT Việt Nam	BTC		2012

12.	Kiểm toán 2 (Kiểm toán nâng cao)	- Kiểm toán - Bài tập Kiểm toán	- La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đinh Tấn Tướng - La Xuân Đào (chủ biên), Hồng Dương Sơn, Đào Vũ Hoài Giang, Đinh Tấn Tướng	ĐHQG – HCM	2014 2015
		Auditing and Assurance Services: An Integrated Approach.	Alvin A. Arens, Randal J. Elder và Mark S. Beasley	Pearson	2014
		CMKT Việt Nam	BTC		2012
13.	Đạo đức nghề nghiệp và quản trị doanh nghiệp	Business ethics: ethical decision making and cases	O. C. Ferrell John Fraedrich; Linda Ferrell	Cengage Learning	2013
14.	Phân tích báo cáo tài chính	Business Analysis and Valuation: Using Financial Statements, Text and Cases Edition: 5th	Krishna G. Palepu and Paul M. Healy	Cengage Learning	Nov 12, 2012
15.	Kiểm soát nội bộ	Kiểm soát nội bộ	Bộ môn kiểm toán, Khoa kế toán - kiểm toán trường ĐH Kinh tế TP.HCM	Phương Đông	2016
16.	Chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) (Kế toán quốc tế nâng cao)	International accounting standards (chuẩn mực gốc ban hành bởi IASB) + bài giảng giảng viên	ASB + giảng viên	IASB	Mỗi chuẩn mực có thời gian ban hành khác nhau
17.	Phân tích dữ liệu trong KTKT	Data Analytics for Accounting, 2nd Edition	Vernon Richardson and Katie Terrell and Ryan Teeter	McGraw-Hill	2020
18.	Kế toán (Accounting – CFAB)	Accounting, CFAB	ICAEW	Kaplan	Sách theo năm học
19.	Quản trị hiệu quả hoạt động (F5 – Performance management)	Performance management, ACCA	ACCA	BPP	Sách theo năm học
20.	Chuyên đề 2: Báo cáo tài chính hợp nhất	- Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất - 5 chuẩn mực: Chuẩn mực kế toán số 11 - Hợp nhất kinh doanh Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con Chuẩn mực kế toán số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết Chuẩn mực kế toán số 08 – Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái	BTC		2014

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).
- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.
- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.
- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.
- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

TRƯỜNG KHOA



TS Hồ Xuân Thủy



PGS TS Nguyễn Tiến Dũng